

Số: /KH-UBND

Đồng Nai, ngày tháng năm 2026

KẾ HOẠCH

Thực hiện Chương trình Bảo đảm mức sinh thay thế đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

Căn cứ Quyết định số 291/QĐ-TTg ngày 13 tháng 02 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt "Chương trình Bảo đảm mức sinh thay thế trên toàn quốc đến năm 2030".

Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình Bảo đảm mức sinh thay thế đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh như sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Tăng tỷ lệ sinh để đạt và duy trì mức sinh thay thế (bình quân mỗi phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ có 2,1 con) góp phần thực hiện thành công Chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2030, bảo đảm nguồn nhân lực phục vụ phát triển kinh tế - xã hội bền vững của tỉnh.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

- Tăng 0,2‰ tỷ suất sinh thô mỗi năm, quy mô dân số đến năm 2030 đạt khoảng 4,86 triệu người.

- Giảm 50% chênh lệch mức sinh giữa nông thôn và thành thị, miền núi và đồng bằng.

- 100% phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ đều được tiếp cận thuận tiện với các biện pháp tránh thai hiện đại, phòng tránh vô sinh và hỗ trợ sinh sản.

- Giảm số vị thành niên, thanh niên có thai ngoài ý muốn.

II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy, chính quyền

a) Tiếp tục quán triệt sâu sắc hơn nữa việc chuyển hướng trọng tâm chính sách dân số sang dân số và phát triển, điều chỉnh mức sinh sang đạt và duy trì mức sinh thay thế. Thống nhất nhận thức trong lãnh đạo và chỉ đạo việc vận động, khuyến khích, hỗ trợ để cặp vợ chồng, cá nhân sinh đủ hai con, nuôi dạy con tốt, xây dựng gia đình tiến bộ, hạnh phúc.

b) Ban hành các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn về cơ chế phối hợp liên ngành, xây dựng chỉ tiêu cụ thể hướng đến mục tiêu đạt mức sinh thay thế.

c) Đề cao tính gương mẫu của mỗi cán bộ, đảng viên trong việc thực hiện đường lối, chủ trương, chính sách, pháp luật về công tác dân số, tạo sức lan tỏa sâu rộng trong toàn xã hội.

d) Huy động các ngành, đoàn thể, tổ chức tham gia thực hiện kế hoạch; giao nhiệm vụ cụ thể cho từng địa phương, đơn vị trong tổ chức thực hiện. Thường xuyên giám sát, kiểm tra; đánh giá tình hình thực hiện, có biện pháp điều chỉnh kịp thời, phù hợp với điều kiện thực tiễn của mỗi địa phương.

2. Đẩy mạnh tuyên truyền, vận động thay đổi hành vi

a) Tiếp tục đẩy mạnh tuyên truyền sâu, rộng các nội dung của Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về công tác dân số trong tình hình mới; Kết luận số 149-KL/TW ngày 10 tháng 4 năm 2025 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW; Nghị quyết số 72-NQ/TW ngày 09 tháng 9 năm 2025 của Bộ Chính trị về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân nhằm nâng cao nhận thức, chuyển đổi hành vi, tạo sự đồng thuận của toàn xã hội để giải quyết toàn diện, đồng bộ các vấn đề về dân số bao gồm quy mô, cơ cấu, phân bố và nâng cao chất lượng dân số. Tập trung tuyên truyền tăng tỷ lệ sinh để đạt và duy trì mức sinh thay thế, đặc biệt là vai trò của cá nhân, cặp vợ chồng trong việc sinh con để bảo đảm phát triển bền vững đất nước và hạnh phúc của người dân.

- Lòng ghép thông điệp khuyến khích các cặp vợ chồng sinh đủ hai con gắn với việc bảo đảm các điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng, bảo vệ trẻ em và phát triển các dịch vụ hỗ trợ gia đình tại cộng đồng, qua đó góp phần duy trì mức sinh thay thế một cách ổn định và bền vững.

b) Phát triển các thông điệp truyền thông, nội dung tuyên truyền, vận động phù hợp với đặc điểm của địa bàn, nhóm đối tượng khác nhau; tập trung vận động, khuyến khích kết hôn, sinh con để đạt và duy trì mức sinh thay thế.

- Tiếp tục thực hiện tuyên truyền về lợi ích của việc không kết hôn muộn, không sinh con quá muộn, không sinh ít con đối với phát triển kinh tế - xã hội. Đồng thời tuyên truyền về các yếu tố bất lợi của việc kết hôn quá sớm, sinh con quá sớm, sinh con quá dày đối với nam, nữ thanh niên, các cặp vợ chồng trong độ

tuổi sinh đẻ vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi để nâng cao chất lượng dân số;

- Khuyến khích chăm sóc sức khỏe sinh sản, phòng tránh mang thai ngoài ý muốn, chủ động tiếp cận dịch vụ tư vấn và khám sức khỏe trước khi kết hôn, dự phòng vô sinh, điều trị vô sinh. Ưu tiên tuyên truyền, vận động đối với nam, nữ thanh niên, các cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ.

- Truyền thông về trang bị kỹ năng làm cha mẹ, chuẩn bị điều kiện nuôi dạy con; tăng cường tuyên truyền phòng ngừa bạo lực gia đình, xâm hại trẻ em, tai nạn thương tích trẻ em; đồng thời chú trọng giảm tình trạng mang thai ở trẻ em gái vị thành niên gắn với phát huy vai trò của hệ thống bảo vệ trẻ em tại cơ sở.

c) Đẩy mạnh các hoạt động tuyên truyền, vận động với hình thức đa dạng, phong phú, sinh động, hấp dẫn và thuyết phục. Nâng cao hiệu quả của truyền thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, chú trọng việc sử dụng các phương tiện truyền thông đa phương tiện và mạng xã hội. Sử dụng hợp lý các loại hình văn hóa, văn nghệ, giải trí. Phát huy vai trò của những người có ảnh hưởng với công chúng, gia đình và dòng họ như những người nổi tiếng trong các lĩnh vực chính trị, khoa học, văn hóa, nghệ thuật, thể thao, già làng, trưởng bản,... Đặc biệt quan tâm đẩy mạnh các hoạt động truyền thông trực tiếp, nhất là các hoạt động truyền thông tại nhà, tại cộng đồng thông qua đội ngũ cộng tác viên, tuyên truyền viên, nhân viên y tế thôn bản.

d) Đổi mới toàn diện nội dung, chương trình, phương pháp giáo dục về dân số, sức khỏe sinh sản trong và ngoài nhà trường phù hợp với từng cấp học, lứa tuổi trong hệ thống giáo dục. Mục tiêu của giáo dục dân số, sức khỏe sinh sản phải bảo đảm trang bị cho người học các kiến thức, kỹ năng cơ bản, có hệ thống về cấu tạo, cơ chế hoạt động của các cơ quan sinh sản ở người, chăm sóc sức khỏe sinh sản; phòng tránh mang thai ngoài ý muốn, vô sinh và các bệnh lây truyền qua đường tình dục; định hình giá trị của việc kết hôn, sinh con vì lợi ích gia đình và tương lai bền vững của đất nước.

3. Điều chỉnh, hoàn thiện các chính sách hỗ trợ, khuyến khích

a) Tổ chức triển khai Luật Dân số và các văn bản hướng dẫn thi hành khi có hiệu lực. Rà soát, tham mưu Hội đồng nhân dân tỉnh các chính sách chế độ hỗ trợ, khuyến khích sinh con, chăm sóc sức khỏe sinh sản, dịch vụ kế hoạch hóa gia đình phù hợp với tình hình thực tế địa phương.

b) Rà soát, nghiên cứu, tham mưu cấp có thẩm quyền chính sách hỗ trợ, khuyến khích các cặp vợ chồng sinh con, sinh đủ hai con, phụ nữ sinh đủ hai con trước 35 tuổi

- Tiếp tục triển khai thực hiện Nghị quyết số 32/2024/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chính sách khuyến khích, hỗ trợ đối với tập thể, cá nhân thực hiện tốt công tác dân số trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

- Hỗ trợ tư vấn, cung cấp dịch vụ hôn nhân và gia đình: Phát triển câu lạc bộ kết bạn trăm năm, hỗ trợ nam, nữ thanh niên kết bạn; khuyến khích nam, nữ kết hôn trước 30 tuổi, không kết hôn muộn và sớm sinh con; xây dựng môi trường, cộng đồng phù hợp với các gia đình nuôi con nhỏ; các dịch vụ thân thiện với người lao động như đưa, đón trẻ, trông trẻ, ngân hàng sữa mẹ, bác sĩ gia đình,... Căn cứ quy hoạch chung, bố trí địa điểm xây dựng các điểm trông, giữ trẻ, nhà mẫu giáo phù hợp với điều kiện của bà mẹ, nhất là các khu kinh tế, khu công nghiệp, khu đô thị;

- Hỗ trợ phụ nữ khi mang thai, sinh con và sinh đủ hai con: Tạo điều kiện trở lại nơi làm việc cho phụ nữ sau khi sinh con; miễn giảm các khoản đóng góp công ích theo hộ gia đình;

- Hỗ trợ, khuyến khích các cặp vợ chồng sinh đủ hai con: ưu tiên vào các trường công lập, hỗ trợ chi phí giáo dục trẻ em.

4. Mở rộng tiếp cận các dịch vụ sức khỏe sinh sản, kế hoạch hóa gia đình và các dịch vụ có liên quan

a) Phổ cập dịch vụ kế hoạch hóa gia đình, chăm sóc sức khỏe sinh sản tới mọi người dân đảm bảo công bằng, bình đẳng trong tiếp cận, sử dụng dịch vụ, không phân biệt giới, người đã kết hôn, người chưa kết hôn để mỗi cá nhân, cặp vợ chồng chủ động, tự nguyện quyết định số con, thời gian sinh con và khoảng cách giữa các lần sinh nhằm nâng cao chất lượng dân số.

b) Xây dựng và triển khai các loại hình dự phòng vô sinh tại cộng đồng; đẩy mạnh chuyển giao công nghệ, phát triển mạng lưới hỗ trợ sinh sản.

c) Tổ chức các loại hình cung cấp dịch vụ phù hợp; tư vấn, kiểm tra sức khỏe, phát hiện sớm, phòng, tránh các yếu tố nguy cơ dẫn đến sinh con dị tật, mắc các bệnh, tật ảnh hưởng đến việc nâng cao chất lượng dân số. Phát triển mạng lưới cung cấp dịch vụ công tác xã hội, tư vấn gia đình, hỗ trợ tâm lý cho thanh niên, các cặp vợ chồng trẻ và trẻ em; đồng thời tăng cường cơ chế phối hợp giữa cộng tác

viên dân số với cộng tác viên công tác xã hội và cộng tác viên bảo vệ trẻ em tại cộng đồng.

d) Đối với địa bàn vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn, vùng dân tộc thiểu số và miền núi: Tổ chức các loại hình cung cấp dịch vụ phù hợp; tư vấn, kiểm tra sức khỏe, phát hiện sớm, phòng, tránh các yếu tố nguy cơ dẫn đến sinh con dị tật, mắc các bệnh, tật ảnh hưởng đến việc suy giảm chất lượng nòi giống.

5. Các nhiệm vụ và giải pháp khác

a) Đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng

- Tập huấn, cập nhật kiến thức mới cho toàn bộ cộng tác viên, tuyên truyền viên về kiến thức, kỹ năng mới, đáp ứng nhiệm vụ chuyển trọng tâm nội dung điều chỉnh mức sinh sang đạt và duy trì mức sinh thay thế; bảo đảm đội ngũ cộng tác viên dân số thực hiện đầy đủ, có hiệu quả việc tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện việc sinh con; tham gia cung cấp một số dịch vụ dân số tới hộ gia đình.

- Đẩy mạnh đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực cán bộ làm công tác dân số các cấp, các ngành, đoàn thể, tổ chức xã hội, đặc biệt là kiến thức, kỹ năng lồng ghép các nội dung về bảo đảm mức sinh thay thế vào nhiệm vụ, hoạt động của các ngành, đơn vị;

- Đưa nội dung về bảo đảm mức sinh thay thế vào chương trình đào tạo, tập huấn cán bộ lãnh đạo quản lý các cấp; chú trọng đào tạo đội ngũ chuyên gia trong lĩnh vực dân số, nhân khẩu học thông qua hệ thống đào tạo trong và ngoài nước.

b) Nghiên cứu khoa học và hệ thống thông tin quản lý

- Nghiên cứu, thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ về quy mô dân số, mức sinh trong mối quan hệ hữu cơ với phát triển kinh tế - xã hội; các nghiên cứu tác nghiệp về những giải pháp, can thiệp nhằm bảo đảm mức sinh thay thế;

- Củng cố, hoàn thiện hệ thống chỉ báo, chỉ tiêu về quy mô dân số và mức sinh.

c) Kiểm tra, giám sát, đánh giá

- Định kỳ kiểm tra, giám sát hỗ trợ, đánh giá việc thực hiện Chương trình; kịp thời đề xuất cơ chế, chính sách phù hợp với thực tiễn;

- Tổng kết việc thực hiện Chương trình.

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện Kế hoạch do ngân sách nhà nước bảo đảm theo phân cấp ngân sách hiện hành và các nguồn kinh phí hợp pháp khác, cụ thể:

1. Kinh phí thực hiện được bố trí trong dự toán chi hàng năm theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, quy định pháp luật có liên quan và khả năng cân đối hàng năm.

2. Tăng cường lồng ghép trong các chương trình, dự án, kế hoạch liên quan đã được phê duyệt theo đúng quy định của pháp luật.

3. Nguồn huy động hợp pháp từ các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp trong và ngoài nước; các nguồn kinh phí xã hội hóa và các nguồn thu hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Y tế

a) Chủ trì, phối hợp các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan xây dựng kế hoạch thực hiện và hướng dẫn triển khai các nội dung của Kế hoạch.

b) Phối hợp các sở, ban, ngành rà soát tham mưu điều chỉnh bổ sung các chủ trương, cơ chế, chính sách phù hợp với mục tiêu duy trì vững chắc mức sinh thay thế.

c) Theo dõi, kiểm tra, đôn đốc, tổng hợp báo cáo tình hình thực hiện Kế hoạch, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Y tế theo quy định.

2. Sở Tài chính

Trên cơ sở tổng hợp, đề xuất của các cơ quan, đơn vị về dự toán kinh phí thực hiện Kế hoạch bảo đảm theo đúng quy định, căn cứ khả năng cân đối ngân sách của tỉnh hàng năm, Sở Tài chính báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh bố trí kinh phí thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và các quy định pháp luật có liên quan.

3. Sở Nội vụ

Phối hợp các cơ quan, đơn vị, địa phương triển khai thực hiện tư vấn việc làm, giới thiệu việc làm để tạo việc làm cho người lao động (trong độ tuổi sinh sản) ổn định cuộc sống góp phần đảm bảo mức sinh thay thế.

4. Sở Xây dựng

Rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung hướng dẫn thực hiện chính sách hỗ trợ về mua, thuê nhà ở xã hội cho cặp vợ chồng sinh đủ hai con để khuyến khích sinh con, nuôi dạy con tốt.

5. Sở Giáo dục và Đào tạo

Chủ trì, phối hợp Sở Y tế đổi mới toàn diện nội dung, chương trình, phương pháp giáo dục về dân số, sức khỏe sinh sản trong và ngoài nhà trường.

6. Sở Dân tộc và Tôn giáo

Phối hợp Sở Y tế và các cơ quan liên quan đẩy mạnh tuyên truyền, triển khai hiệu quả các chính sách ưu đãi, hỗ trợ đặc thù dành cho đồng bào dân tộc thiểu số; bảo đảm thực hiện đúng mục tiêu duy trì mức sinh thay thế và nâng cao chất lượng dân số trong vùng đồng bào dân tộc.

7. Ủy ban nhân dân các xã, phường

a) Đưa mục tiêu, chỉ tiêu quy mô dân số và mức sinh vào hệ thống các chỉ tiêu kinh tế - xã hội của địa phương giai đoạn 2026 - 2030.

b) Rà soát, bổ sung các quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội; có kế hoạch chỉ đạo, giao nhiệm vụ cho các phòng, ban, đơn vị, địa phương tổ chức thực hiện kế hoạch; cân đối, bố trí ngân sách địa phương hỗ trợ thực hiện chương trình phù hợp với điều kiện của địa phương.

8. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các đoàn thể chính trị - xã hội tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ, đẩy mạnh hoạt động tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và các tầng lớp nhân dân thực hiện tốt nội dung của kế hoạch, đồng thời tham gia giám sát việc thực hiện kế hoạch.

9. Đề nghị Báo và phát thanh, truyền hình Đồng Nai tăng cường hoạt động truyền thông, vận động về các chính sách dân số; khuyến khích các cặp vợ chồng sinh đủ hai con, nuôi dạy con tốt.

Yêu cầu các sở, ban, ngành, đơn vị, UBND các xã, phường căn cứ nội dung kế hoạch này, xây dựng kế hoạch, triển khai thực hiện có hiệu quả; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát; báo cáo việc triển khai thực hiện kế hoạch và kết quả đạt được gửi Sở Y tế tổng hợp (trước ngày 01 tháng 12 hằng năm) báo cáo Bộ Y tế, UBND tỉnh theo quy định./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Y tế;
- Chủ tịch, các PCT. UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- Báo và phát thanh, truyền hình Đồng Nai;
- UBND các xã, phường;
- Chánh, các PCVP.UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Trường Sơn